

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng

5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố tại Tờ trình số 08/TTr-BDT ngày 26 tháng 02 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 33/BC-STP ngày 21 tháng 02 năm 2025 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1442/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2025 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

3. Bãi bỏ một số quy định của Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Bãi bỏ cụm từ “tín ngưỡng, tôn giáo” tại khoản 1 Điều 1; cụm từ “Ban Tôn giáo” tại điểm b khoản 2 Điều 4 và khoản 3 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Bãi bỏ khoản 15 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân Thành phố), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và các hoạt động khác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ và các bộ, ngành trung ương có liên quan.

Trụ sở làm việc của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố:

- Trụ sở 1: số 177 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Trụ sở 2: số 108 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố

Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hằng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố;

Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố theo quy định của pháp luật;

Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi quản lý thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo đến cán bộ, công chức, đội ngũ làm công tác dân tộc, tín ngưỡng,

tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, các tôn giáo trong phạm vi quản lý của Thành phố.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo đối với cơ quan, đơn vị tham mưu công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, quận, huyện, thành phố Thủ Đức và cán bộ, công chức là người dân tộc làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

8. Phối hợp trong công tác quản lý các địa điểm di tích, danh lam thắng cảnh có liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố.

9. Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết những vấn đề phát sinh trong tôn giáo; là đầu mối liên hệ giữa chính quyền địa phương với các tổ chức tôn giáo.

10. Thực hiện việc nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tôn giáo, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương chính sách đối với tôn giáo.

11. Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc các tôn giáo trên địa bàn Thành phố theo quy định của Trung ương.

12. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì quản lý, chỉ đạo và Ủy ban nhân dân Thành phố giao; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo đối với đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố.

13. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi quản lý, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của Thành phố; khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc và công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

14. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

15. Phối hợp với cơ quan chức năng trong thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

16. Phối hợp trong việc tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số; tín ngưỡng, tôn giáo; xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

17. Tham gia, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các sở, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà

nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

18. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng dẫn chung của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

19. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

20. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

21. Tổ chức, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tập huấn, các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan trong thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo sở, ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức; giải quyết các vấn đề cụ thể về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có Giám đốc, 03 Phó Giám đốc.
2. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố là Ủy viên Ủy ban nhân dân

Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định phân công công tác đối với thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, giúp Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố. Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố không kiêm nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có 05 đơn vị thuộc Sở như sau:

1. Văn phòng;
2. Phòng Nghiệp vụ 1;
3. Phòng Nghiệp vụ 2;
4. Phòng Nghiệp vụ 3;
5. Phòng Nghiệp vụ 4.

Điều 5. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố

1. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu (gọi tắt là cấp phó) đơn vị thuộc, trực

thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố do Giám đốc Sở bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm theo quy định của Đảng, Nhà nước.

2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao phụ trách.

3. Cấp phó của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó để điều hành các hoạt động của đơn vị thuộc, trực thuộc Sở. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố thực hiện theo quy định.

Điều 6. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở ban hành và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của

Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn Thành phố và các công việc được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phải phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Dân tộc và Tôn giáo về tổ chức, hoạt động của Sở; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi quản lý; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

5. Giám đốc Sở quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, chuyển ngạch, xếp lương, nâng lương, điều động, biệt phái, luân chuyển, cho thôi việc, nghỉ hưu, kỷ luật và các nội dung quản lý khác đối với công chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở theo quy định.

Điều 8. Đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu sự chỉ đạo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và sự hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan chuyên môn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đảm bảo sự thống nhất của ngành dân tộc, tôn giáo trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả hoạt động và kế hoạch công tác định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; dự các cuộc họp, hội nghị do Bộ Dân tộc và Tôn giáo triệu tập.

2. Về các chủ trương lớn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Sở báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo để có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Trường hợp Bộ Dân tộc và Tôn giáo chưa thống nhất với chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những chủ trương, quyết định của Bộ Dân tộc và Tôn giáo mà Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố xét thấy không phù hợp với tình hình thực tế của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở kịp thời báo cáo và đề xuất kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 9. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan đến ngành của Thành phố cho Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố; chuẩn bị các nội dung để trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố những vấn đề liên quan đến ngành dân tộc, tôn giáo.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các hoạt động quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến cơ quan, đơn vị trong ngành dân tộc, tôn giáo.

3. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc Sở và những vấn đề đang được bàn bạc giữa Giám đốc Sở và Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc giữa Giám đốc Sở với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, tùy theo tính chất và phạm vi vấn đề, Giám đốc Sở báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Mối quan hệ giữa Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cho nhau cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố có liên quan đến các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chủ động lấy ý kiến Thủ trưởng các sở, ban, ngành đó (bằng văn bản).

Điều 11. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực do Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố phụ trách theo nội dung được phân cấp quản lý, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân cấp huyện làm tốt trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý ngành, lĩnh vực công tác tại địa phương.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị tham mưu công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đề ra thang điểm thi đua làm cơ sở để cơ quan, đơn vị tham mưu công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hằng năm.

3. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc làm việc và giải quyết những vấn đề liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu có ý kiến khác nhau, Giám đốc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 12. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quần chúng

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quần chúng tham gia ý kiến trong việc xây dựng chính sách, chế độ có liên quan đến lĩnh vực công tác của Sở.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố chịu trách nhiệm:

a) Triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố trên địa bàn Thành phố;

b) Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.